



**CÔNG TY ĐẤU GIÁ
HỢP DANH ĐÔNG DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Trụ sở chính: Lô DC1a-13 Nguyễn Thị Định, Quy Nhơn
ĐT: 0256.2200569-Fax: 0256.3547029-ĐD: 091.4024837
Website: www.daugiataisandongduong.com
Số: **1441**/TBĐGTS-DD

Bình Định, ngày 06 tháng 11 năm 2023

THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 102/2023/HĐDV ngày 08/9/2023 giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Hoài Nhơn và Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương;

Căn cứ Hợp đồng điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 01.102/2023/HĐDV.SĐBS ngày 06/11/2023 giữa Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Hoài Nhơn và Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương.

Nay Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương ban hành thông báo đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất ở, cụ thể như sau:

1. Tài sản đấu giá:

- 32 lô đất ở tại khu dân cư thôn Định Công, xã Hoài Mỹ, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định;
- 22 lô đất ở tại các khu dân cư phường Hoài Hảo, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định;
- 21 lô đất ở tại khu dân cư khu phố An Dưỡng 1, phường Hoài Tân, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định;
- 21 lô đất ở tại khu dân cư khu phố Mỹ An 2, phường Hoài Thanh, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định;
- 09 lô đất ở tại khu dân cư khu phố 8, phường Tam Quan, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định;
- 06 lô đất ở tại các khu dân cư xã Hoài Châu, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định;
- 01 lô đất ở tại khu dân cư khu phố Tài Lương 1 (rộc ông Trĩ), phường Hoài Thanh Tây, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định;

Kèm theo sơ đồ quy hoạch phân lô chi tiết;

Mục đích sử dụng đất: Đất ở nông thôn (xã) và đất ở đô thị (phường);

Hình thức giao đất: Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá;

Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài;

Hạ tầng kỹ thuật: Đã xây dựng hạ tầng.

2. Người có tài sản đấu giá:

Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Hoài Nhơn

Địa chỉ: Số 06 đường 28/3, phường Bồng Sơn, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

3. Tổng giá khởi điểm của tài sản: 63.375.795.000 đồng (Sáu mươi ba tỷ, ba trăm bảy mươi lăm triệu, bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

4. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá: Liên tục kể từ ngày niêm yết cho đến ngày tổ chức cuộc đấu giá, tại nơi có tài sản đấu giá đang tọa lạc.

5. Ký hiệu, vị trí, diện tích, mật độ xây dựng tối đa, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền hồ sơ tham gia đấu giá, bước giá của từng lô đất; Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, đăng ký tham gia đấu giá, nộp khoản tiền đặt trước và tiền hồ sơ tham gia đấu giá, nộp phiếu trả giá, tổ chức cuộc đấu giá: Đính kèm theo bảng chi tiết.

6. Địa điểm nộp khoản tiền đặt trước: Tài khoản của Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương gồm:

- Tài khoản số: 111002775169 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Phú Tài;

- Tài khoản số: 402034433100003 tại Ngân hàng TMCP Nam Á – Chi nhánh Quy Nhơn;

- Tài khoản số: 4309201002513 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh KCN Phú Tài;

- Tài khoản số: 5800791694 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định;

- Tài khoản số: 0051000516083 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định;

- Tài khoản số: 22222396868 tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Bình Định.

7. Trường hợp có sự thay đổi ngày giờ, thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá thì sẽ có thông báo cụ thể.

8. Hình thức đấu giá: Kết hợp giữa đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp với đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá.

9. Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên, bán riêng từng lô đất.

10. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

* Người tham gia đấu giá là hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất theo quy định tại Điều 55 của Luật Đất đai và không thuộc đối tượng bị cấm tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật.

* Người tham gia đấu giá phải nộp 01 bộ hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ của một lô đất đấu giá cho Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương gồm:

- 01 Giấy đăng ký và cam kết tham gia đấu giá (theo mẫu). Người tham gia đấu giá phải điền đầy đủ thông tin, ghi lô đất, khu đất, địa điểm tọa lạc của lô đất đấu giá...;

- 01 Bản phô tô giấy CMND hoặc thẻ căn cước công dân;

- 01 Chứng từ nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá, cụ thể:

+ Mỗi lô đất nộp riêng một chứng từ nộp tiền, số tiền nộp bắt buộc phải đúng bằng số tiền theo thông báo đã quy định, người tham gia đấu giá phải nộp hoặc chuyển khoản vào tài khoản;

+ Chứng từ nộp tiền đặt trước không ghi lô đất đấu giá mà chỉ ghi “*nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá đất Hoài Nhơn*”;

+ Đối với trường hợp chuyển tiền bằng Internet Banking thì phần nội dung chuyển tiền phải thể hiện họ tên đầy đủ của người tham gia đấu giá;

+ Đối với trường hợp người khác nộp tiền thay cho người tham gia đấu giá thì phần nội dung nộp tiền phải thể hiện họ tên đầy đủ của người tham gia đấu giá. Người nộp thay không được nộp thay cho người thứ 02 trong cùng 01 lô đất và cũng không được tham gia đấu giá trong cùng 01 lô đất;

- 01 Chứng từ nộp tiền hồ sơ tham gia đấu giá, cụ thể:

+ Người tham gia đấu giá được nộp trực tiếp bằng tiền mặt (tại địa điểm đăng ký tham gia đấu giá hoặc nộp ngân hàng) hoặc chuyển khoản vào tài khoản, có thể nộp riêng cho từng lô đất hoặc cộng nộp chung cho nhiều lô đất tham gia đấu giá;

+ Chứng từ nộp tiền hồ sơ tham gia đấu giá không ghi lô đất đấu giá;

- 01 Phiếu trả giá gián tiếp, cụ thể:

+ Phiếu trả giá bắt buộc phải viết cùng 01 màu mực không bay màu, không được gạch bỏ, sửa chữa, tẩy xóa;

+ Phiếu trả giá bắt buộc phải bỏ vào bì thư đựng phiếu bảo mật, phải dán kín bằng keo dán và phải ký tại mép dán của bì thư;

+ Cách trả giá như sau: Giá sử lô đất có giá khởi điểm là **480.000.000** đồng, bước giá là **15.000.000** đồng. Người tham gia đấu giá chọn một trong hai cách ghi phiếu trả giá sau đây:

Hoặc là chọn cách 1 trả giá ghi theo bước giá thì ghi vào phiếu trả giá: **“01 bước, bằng chữ: Một bước”** hoặc **“02 bước, bằng chữ: Hai bước”** hoặc.....; trường hợp nếu ghi **“0 bước”** hay **“không bước”** thì phiếu trả giá không hợp lệ, bị loại;

Hoặc là chọn cách 2 trả giá ghi theo số tiền thì ghi vào phiếu trả giá: **“480.000.000 đồng, bằng chữ: Bốn trăm tám mươi triệu đồng hoặc giá khởi điểm”** hoặc **“495.000.000 đồng, bằng chữ: Bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng”** hoặc.....;

Trường hợp nếu hồ sơ không tuân thủ đầy đủ các nội dung nêu trên thì không hợp lệ và bị loại không được tham gia cuộc đấu giá;

Tất cả các loại giấy tờ nêu trên phải được bỏ vào một bì thư lớn dán kín lại, không ghi lộ đất đấu giá và phải bỏ vào thùng đựng hồ sơ tham gia đấu giá và phiếu trả giá;

* Giá trúng đấu giá phải bằng giá khởi điểm hoặc cao hơn giá khởi điểm ít nhất là một bước giá (tròn bước giá);

* Điều kiện về mối quan hệ: Trong một lô đất, những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình thì chỉ được một cá nhân tham gia đấu giá;

* Về ủy quyền tham gia đấu giá:

- Người tham gia đấu giá phải tự mình hoặc ủy quyền cho người khác tham gia đấu giá bằng văn bản phải có công chứng, chứng thực theo quy định của Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;

- Một lô đất phải lập một văn bản ủy quyền;

* Điều kiện để người tham gia đấu giá được vào địa điểm tổ chức cuộc đấu giá như sau:

- Phải xuất trình bản chính Giấy tờ tùy thân có dán ảnh;

- Phải xuất trình bản chính văn bản ủy quyền (nếu là người được ủy quyền);

Mọi chi tiết vui lòng liên hệ tại **Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương** để biết các thông tin liên quan về việc đấu giá tài sản.

Nơi nhận:

- Ban Quản lý DA ĐTXD và PTQĐ thị xã Hoài Nhơn;
- UBND các xã, phường nơi có đất đấu giá;
- Niêm yết, lưu hs, Cty ...



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Việt Hùng

BẢNG CHI TIẾT ĐẦU GIÁ QSDĐ Ở
TẠI CÁC KHU DÂN CƯ TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ HOÀI NHƠN
(Kèm theo Thông báo đầu giá tài sản số: 1441/TBĐGTS-ĐD ngày 06/11/2023)

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
				(đồng/m ²)	(đồng/lô)			
I. Cuộc đấu giá và công bố giá vào ngày 27/11/2023								
1. Khu dân cư thôn Định Công, xã Hoài Mỹ								
1	6	177,30	80,00	5.040.000	893.592.000	178.718.000	500.000	27.000.000
2	7	167,00	80,00	5.040.000	841.680.000	168.336.000	500.000	26.000.000
3	8	156,50	80,00	5.040.000	788.760.000	157.752.000	500.000	24.000.000
4	9	151,50	80,00	5.040.000	763.560.000	152.712.000	500.000	23.000.000
5	10	151,00	80,00	5.040.000	761.040.000	152.208.000	500.000	23.000.000
6	11	235,10	70,00	5.040.000	1.184.904.000	236.980.000	500.000	36.000.000
7	12	299,40	70,00	3.200.000	958.080.000	191.616.000	500.000	29.000.000
8	13	150,00	80,00	3.500.000	525.000.000	105.000.000	500.000	16.000.000
9	14	150,00	80,00	3.500.000	525.000.000	105.000.000	500.000	16.000.000
10	15	160,50	80,00	3.850.000	617.925.000	123.585.000	500.000	19.000.000
11	16	160,50	80,00	3.520.000	564.960.000	112.992.000	500.000	17.000.000
12	17	150,00	80,00	3.200.000	480.000.000	96.000.000	200.000	15.000.000
13	18	150,00	80,00	3.200.000	480.000.000	96.000.000	200.000	15.000.000
14	19	150,00	80,00	3.200.000	480.000.000	96.000.000	200.000	15.000.000
15	20	150,00	80,00	3.200.000	480.000.000	96.000.000	200.000	15.000.000
16	21	150,00	80,00	3.200.000	480.000.000	96.000.000	200.000	15.000.000
17	22	150,00	80,00	3.200.000	480.000.000	96.000.000	200.000	15.000.000
18	23	150,00	80,00	3.200.000	480.000.000	96.000.000	200.000	15.000.000
19	24	150,00	80,00	3.200.000	480.000.000	96.000.000	200.000	15.000.000
20	25	217,30	70,00	3.200.000	695.360.000	139.072.000	500.000	21.000.000
21	26	399,70	60,00	3.500.000	1.398.950.000	279.790.000	500.000	42.000.000
22	27	229,00	70,00	3.500.000	801.500.000	160.300.000	500.000	25.000.000
23	28	218,60	70,00	3.500.000	765.100.000	153.020.000	500.000	23.000.000
24	29	206,20	70,00	3.500.000	721.700.000	144.340.000	500.000	22.000.000
25	30	191,90	80,00	3.500.000	671.650.000	134.330.000	500.000	21.000.000
26	31	189,70	80,00	3.850.000	730.345.000	146.069.000	500.000	22.000.000
27	32	157,70	80,00	3.520.000	555.104.000	111.020.000	500.000	17.000.000

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
				(đồng/m ²)	(đồng/lô)			
28	33	134,50	80,00	3.200.000	430.400.000	86.080.000	200.000	13.000.000
29	34	120,10	80,00	3.200.000	384.320.000	76.864.000	200.000	12.000.000
30	35	105,80	80,00	3.200.000	338.560.000	67.712.000	200.000	11.000.000
31	36	91,40	90,00	3.200.000	292.480.000	58.496.000	200.000	9.000.000
32	37	204,40	70,00	3.200.000	654.080.000	130.816.000	500.000	20.000.000

2. Phường Hoà Hải

2.1. Khu dân cư khu phố Phụng Du 2 (Khu O-03)

1	1	131,25	83,80	10.000.000	1.312.500.000	262.500.000	500.000	40.000.000
2	2	131,25	83,80	10.000.000	1.312.500.000	262.500.000	500.000	40.000.000
3	3	131,25	83,80	10.000.000	1.312.500.000	262.500.000	500.000	40.000.000
4	4	131,25	83,80	10.000.000	1.312.500.000	262.500.000	500.000	40.000.000
5	5	131,25	83,80	10.000.000	1.312.500.000	262.500.000	500.000	40.000.000
6	6	131,25	83,80	10.000.000	1.312.500.000	262.500.000	500.000	40.000.000
7	7	131,25	83,80	10.000.000	1.312.500.000	262.500.000	500.000	40.000.000
8	8	131,25	83,80	10.000.000	1.312.500.000	262.500.000	500.000	40.000.000
9	9	131,25	83,80	10.000.000	1.312.500.000	262.500.000	500.000	40.000.000
10	10	131,25	83,80	10.000.000	1.312.500.000	262.500.000	500.000	40.000.000

2.2. Khu dân cư khu phố Tấn Thạnh 2 (Kề nhà ông An)

11	1	146,50	80,70	4.000.000	586.000.000	117.200.000	500.000	18.000.000
----	---	--------	-------	-----------	-------------	-------------	---------	------------

2.3. Khu dân cư khu phố Tấn Thạnh 1 (Gần nhà nuôi chim yến)

12	1	218,70	68,10	1.200.000	262.440.000	52.488.000	200.000	8.000.000
13	2	212,90	68,70	1.200.000	255.480.000	51.096.000	200.000	8.000.000

2.4. Khu dân cư khu phố Cự Lễ (Trường Tiết Văn cũ)

14	1	173,50	75,30	1.300.000	225.550.000	45.110.000	200.000	7.000.000
15	2	162,30	77,50	1.250.000	202.875.000	40.575.000	200.000	7.000.000
16	3	151,10	79,80	1.200.000	181.320.000	36.264.000	200.000	6.000.000
17	4	184,00	73,20	1.150.000	211.600.000	42.320.000	200.000	7.000.000
18	5	164,10	77,20	1.100.000	180.510.000	36.102.000	200.000	6.000.000
19	6	177,10	74,60	1.050.000	185.955.000	37.191.000	200.000	6.000.000

2.5. Khu dân cư khu phố Cự Lễ (Vườn chùa)

20	1	228,20	67,20	1.200.000	273.840.000	54.768.000	200.000	9.000.000
21	2	208,00	69,20	1.200.000	249.600.000	49.920.000	200.000	8.000.000

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
				(đồng/m ²)	(đồng/lô)			

2.6. Khu dân cư khu phố Hội Phú (Gần nhà Lò - Hội Thanh)

22	1	120,00	86,00	1.500.000	180.000.000	36.000.000	200.000	6.000.000
----	---	--------	-------	-----------	-------------	------------	---------	-----------

3. Khu dân cư khu phố An Dương 1, phường Hoài Tân

1	1	243,50	65,65	2.900.000	706.150.000	141.230.000	500.000	22.000.000
2	2	200,83	69,92	2.500.000	502.075.000	100.415.000	500.000	16.000.000
3	3	169,01	76,20	2.500.000	422.525.000	84.505.000	200.000	13.000.000
4	5	172,01	75,59	2.500.000	430.025.000	86.005.000	200.000	13.000.000
5	14	148,32	80,33	2.500.000	370.800.000	74.160.000	200.000	12.000.000
6	15	149,56	80,08	2.300.000	343.988.000	68.797.000	200.000	11.000.000
7	16	114,37	87,12	2.300.000	263.051.000	52.610.000	200.000	8.000.000
8	17	114,37	87,12	2.000.000	228.740.000	45.748.000	200.000	7.000.000
9	18	115,45	86,91	2.300.000	265.535.000	53.107.000	200.000	8.000.000
10	19	115,45	86,91	2.000.000	230.900.000	46.180.000	200.000	7.000.000
11	20	116,53	86,96	2.300.000	268.019.000	53.603.000	200.000	9.000.000
12	21	116,53	86,96	2.000.000	233.060.000	46.612.000	200.000	7.000.000
13	23	117,60	86,96	2.000.000	235.200.000	47.040.000	200.000	8.000.000
14	24	118,68	86,26	2.300.000	272.964.000	54.592.000	200.000	9.000.000
15	25	118,68	86,26	2.000.000	237.360.000	47.472.000	200.000	8.000.000
16	26	119,76	86,04	2.300.000	275.448.000	55.089.000	200.000	9.000.000
17	27	119,76	86,04	2.000.000	239.520.000	47.904.000	200.000	8.000.000
18	28	120,84	85,83	2.300.000	277.932.000	55.586.000	200.000	9.000.000
19	29	120,84	85,83	2.000.000	241.680.000	48.336.000	200.000	8.000.000
20	30	151,19	79,76	2.300.000	347.737.000	69.547.000	200.000	11.000.000
21	31	149,76	80,05	2.500.000	374.400.000	74.880.000	200.000	12.000.000

4. Khu dân cư khu phố Mỹ An 2, phường Hoài Thanh

1	1	114,00	87,20	3.700.000	421.800.000	84.360.000	200.000	13.000.000
2	2	107,60	88,10	4.500.000	484.200.000	96.840.000	200.000	15.000.000
3	3	112,90	87,40	3.000.000	338.700.000	67.740.000	200.000	11.000.000
4	4	106,90	88,60	3.500.000	374.150.000	74.830.000	200.000	12.000.000
5	5	96,90	93,10	3.500.000	339.150.000	67.830.000	200.000	11.000.000
6	6	96,80	93,20	3.000.000	290.400.000	58.080.000	200.000	9.000.000
7	7	93,50	96,50	3.000.000	280.500.000	56.100.000	200.000	9.000.000

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
				(đồng/m ²)	(đồng/lô)			
8	8	91,90	98,10	3.000.000	275.700.000	55.140.000	200.000	9.000.000
9	9	106,60	88,70	4.500.000	479.700.000	95.940.000	200.000	15.000.000
10	10	109,00	88,20	3.700.000	403.300.000	80.660.000	200.000	13.000.000
11	11	106,90	88,60	3.700.000	395.530.000	79.106.000	200.000	12.000.000
12	12	105,80	88,80	3.700.000	391.460.000	78.292.000	200.000	12.000.000
13	13	183,00	73,40	3.500.000	640.500.000	128.100.000	500.000	20.000.000
14	14	175,10	75,00	3.500.000	612.850.000	122.570.000	500.000	19.000.000
15	15	166,30	76,70	3.500.000	582.050.000	116.410.000	500.000	18.000.000
16	16	156,50	78,70	3.500.000	547.750.000	109.550.000	500.000	17.000.000
17	17	145,90	80,80	3.500.000	510.650.000	102.130.000	500.000	16.000.000
18	18	134,40	83,10	3.500.000	470.400.000	94.080.000	200.000	15.000.000
19	19	122,20	85,60	3.500.000	427.700.000	85.540.000	200.000	13.000.000
20	20	120,20	86,00	3.500.000	420.700.000	84.140.000	200.000	13.000.000
21	21	126,80	84,60	4.600.000	583.280.000	116.656.000	500.000	18.000.000

5. Khu dân cư khu phố 8, phường Tam Quan

1	13	132,03	83,60	5.400.000	712.962.000	142.592.000	500.000	22.000.000
2	14	132,03	83,60	5.400.000	712.962.000	142.592.000	500.000	22.000.000
3	15	132,03	83,60	5.400.000	712.962.000	142.592.000	500.000	22.000.000
4	16	153,95	79,20	6.500.000	1.000.675.000	200.135.000	500.000	31.000.000
5	17	176,89	74,60	5.100.000	902.139.000	180.427.000	500.000	28.000.000
6	18	130,25	83,90	4.200.000	547.050.000	109.410.000	500.000	17.000.000
7	19	129,73	84,10	4.200.000	544.866.000	108.973.000	500.000	17.000.000
8	20	129,21	84,20	4.200.000	542.682.000	108.536.000	500.000	17.000.000
9	21	128,69	84,30	4.200.000	540.498.000	108.099.000	500.000	17.000.000

6. Xã Hoài Châu

6.1. Khu dân cư trụ sở xóm 2, thôn An Sơn

1	1	268,10	63,20	2.000.000	536.200.000	107.240.000	500.000	17.000.000
2	2	251,40	64,90	2.000.000	502.800.000	100.560.000	500.000	16.000.000
3	3	253,80	64,60	2.000.000	507.600.000	101.520.000	500.000	16.000.000

6.2. Khu dân cư ruộng Họ, thôn Hội An

4	1	137,50	82,50	5.500.000	756.250.000	151.250.000	500.000	23.000.000
5	2	137,50	82,50	5.500.000	756.250.000	151.250.000	500.000	23.000.000

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
				(đồng/m ²)	(đồng/lô)			
6	3	150,00	80,00	5.500.000	825.000.000	165.000.000	500.000	25.000.000

7. Khu dân cư khu phố Tài Lương 1 (rộc ông Trĩ), phường Hoài Thanh Tây

1	2	137,70	82,50	3.000.000	413.100.000	82.620.000	200.000	13.000.000
---	---	--------	-------	-----------	-------------	------------	---------	------------

- Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, nộp hồ sơ, đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá:
- + Tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương: Liên tục kể từ ngày niêm yết đến 17 giờ ngày 23/11/2023;
- + Tại Trụ sở UBND xã Hoài Mỹ, UBND phường Hoài Hào, UBND phường Hoài Tân, UBND phường Hoài Thanh, Hội trường UBND phường Tam Quan, UBND xã Hoài Châu, UBND phường Hoài Thanh Tây: Từ lúc 07 giờ 30 phút ngày 23/11/2023 đến 16 giờ 30 phút ngày 24/11/2023;
- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: Đến 16 giờ 30 phút ngày 24/11/2023;
- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá:
- + Bắt đầu lúc 07 giờ 30 phút ngày 27/11/2023 tại Hội trường UBND phường Tam Quan đối với các lô đất thuộc phường Tam Quan, phường Hoài Hào, xã Hoài Châu.
- + Bắt đầu lúc 13 giờ 30 phút ngày 27/11/2023 tại Hội trường UBND phường Bồng Sơn đối với các lô đất thuộc phường Hoài Tân, phường Hoài Thanh, phường Hoài Thanh Tây, xã Hoài Mỹ.

II. Cuộc đấu giá và công bố giá vào các ngày thứ bảy hàng tuần sau ngày 27/11/2023: Các lô đất còn lại do không có người tham gia đấu giá hoặc không hợp lệ, không đủ điều kiện đấu giá

- Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, nộp hồ sơ, đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá: Liên tục đến 16 giờ 30 phút ngày thứ 4 hàng tuần tại Trụ sở UBND phường Bồng Sơn, Hội trường UBND phường Tam Quan;
- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: Đến 16 giờ 30 phút ngày thứ 4 hàng tuần;
- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá:
- + Tại Hội trường UBND phường Bồng Sơn: Bắt đầu lúc 07 giờ 30 phút ngày thứ bảy hàng tuần đối với các lô đất thuộc phường Hoài Tân, phường Hoài Thanh, phường Hoài Thanh Tây, xã Hoài Mỹ;
- + Tại Hội trường UBND phường Tam Quan: Bắt đầu lúc 13 giờ 30 phút ngày thứ bảy hàng tuần đối với các lô đất thuộc phường Tam Quan, phường Hoài Hào, xã Hoài Châu.

